

Bản án số: 449/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29.4.2022.
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Khanh
2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Không có.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 238/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04.4.2022 và Quyết định đưa hoãn phiên tòa số 49/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15.4.2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mộng T– sinh năm: 1982 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã M, huyện Đ, tỉnh L.

Bị đơn: Ông Trần Thanh D - sinh năm: 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện Hóc Môn, Tp.HCM

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02.3.2021 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Lê Thị Mộng T trình bày:

Bà và Ông Trần Thanh D tự nguyện tìm hiểu và tiến đến xây dựng gia đình vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh ngày 17.01.2008.

Trong thời gian chung sống với nhau hai vợ chồng thường hay xảy ra nhiều mâu thuẫn sâu sắc không thể cố gắng tiếp tục chung sống được với nhau, hai vợ chồng đã có thời gian sống riêng để suy nghĩ và thay đổi bản thân nhưng không thể chung sống với nhau được. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với Ông D.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không có.
- Nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải Bà Lê Thị Mộng T và Ông Trần Thanh D thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng Ông D không đến Tòa nên việc hòa giải không tiến hành được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Về phía bị đơn Ông Trần Thanh D, Tòa án đã tổng đạt niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng Ông D vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa Bà Lê Thị Mộng T và Ông Trần Thanh D là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn Ông Trần Thanh D cư trú tại ấp H, xã H, huyện Hóc Môn, Tp.HCM nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định nói trên theo quy định của pháp luật tố tụng nhưng Ông Trần Thanh D không đến, phiên tòa phải hoãn và Quyết định hoãn phiên tòa cũng được tổng đạt hợp lệ cho Ông D nhưng Ông D vẫn không có mặt. Nguyên đơn Bà Lê Thị Mộng T có đơn xin vắng mặt. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Hội đồng xét xử nhận thấy Bà Lê Thị Mộng T và Ông Trần Thanh D tự nguyện xây dựng gia đình từ năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn, Tp.HCM ngày 17.01.2008 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện Bà Lê Thị Mộng T và Ông Trần Thanh D có thời gian sống chung từ năm 2008, có đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh theo lời trình bày của Bà T là do do vợ chồng sống không hợp nhau, thường xảy ra mâu thuẫn sâu sắc không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ theo quy định để tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện Bà Lê Thị Mộng T và Ông Trần Thanh D trở về đoàn tụ với nhau nhưng Ông Trần Thanh D không đến, điều này chứng tỏ Ông D không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa Bà Lê Thị Mộng T và Ông Trần Thanh D đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc ly hôn là cần thiết nên việc Bà Lê Thị Mộng T yêu cầu ly hôn với Ông Trần Thanh D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bị đơn Ông Trần Thanh D, Tòa án đã tiến hành tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng Ông Trần Thanh D không đến Tòa để đưa ra ý kiến và yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[8] Về án phí: Bà Lê Thị Mộng T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, 57 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Bà Lê Thị Mộng T.

Về quan hệ vợ chồng: Bà Lê Thị Mộng T được ly hôn với Ông Trần Thanh D.

Về con chung: Đương sự khai không có.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có.

Về nợ chung: Đương sự khai không có.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Án phí DSST: Bà Lê Thị Mộng T phải chịu là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được tính căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0074704 ngày 23.3.2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.HM;
- Cơ quan THADS H.HM;
- Ủy ban nhân dân xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
- Các đương sự;
- Lưu.

Phan Anh Phong